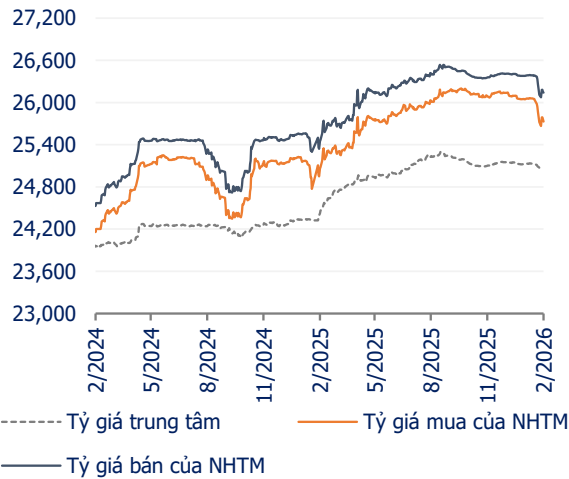
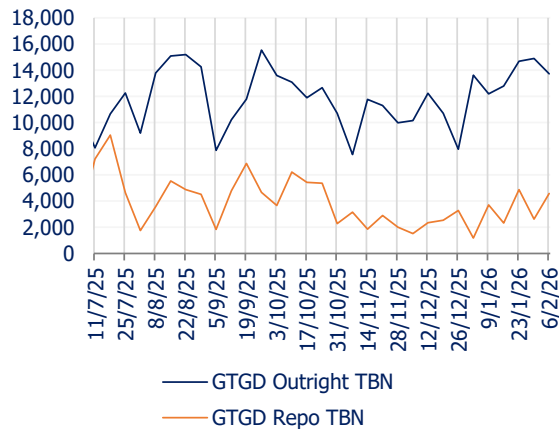


TỶ GIÁ USD/VND



GTGD TRUNG BÌNH PHIÊN OUTRIGHT VÀ REPO



Đơn vị: Tỷ VND

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Lãi suất VND LNH tăng mạnh ở tất cả các kỳ hạn. Kết tuần, lãi suất qua đêm ON và 1W lần lượt tăng 483 đcb và 378 đcb lên mức 9.92% và 9.67%. Ngoài ra, trong khi lãi suất kỳ hạn 6 tháng tăng 22 đcb lên mức 7.88%, lãi suất 9 tháng giữ nguyên ở mức 8.1%. Chênh lệch lãi suất USD và VND kỳ hạn qua đêm và 1W trung bình nới rộng khoảng 393 đcb. Tổng giá trị giao dịch trên thị trường liên ngân hàng trong kỳ báo cáo đạt 4.53 triệu tỷ đồng, trong đó 2 kỳ hạn ON và 1W chiếm 98.8%.

THỊ TRƯỜNG NGOẠI HỐI

Kết tuần, tỷ giá trung tâm giảm 9 VND/USD so với tuần trước, xuống mức 25,065 VND/USD. Ngoài ra, tỷ giá niêm yết tại Vietcombank tăng 10 VND/USD lên 25,760 VND/USD ở chiều mua và tăng 30 VND/USD lên 26,140 VND/USD ở chiều bán

THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU SƠ CẤP

Ngày 4/2, KBNN gọi thầu tổng cộng 14,500 tỷ đồng TPCP ở nhiều kỳ hạn. Trái phiếu kỳ hạn 5 năm, 15 năm và 30 năm không trúng thầu. Tỷ lệ trúng thầu của trái phiếu kỳ hạn 10 năm đạt 46%. Từ đầu năm 2026 đến ngày 4/2, Kho bạc Nhà nước đã huy động gần 31,541 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ các kỳ hạn từ 5 năm đến 30 năm, đạt khoảng 6.3% kế hoạch phát hành 500,000 tỷ đồng trong năm 2026. Trong tuần tới, KBNN sẽ gọi thầu 15,500 tỷ đồng ở 4 kỳ hạn (5, 10, 15 và 30 năm).

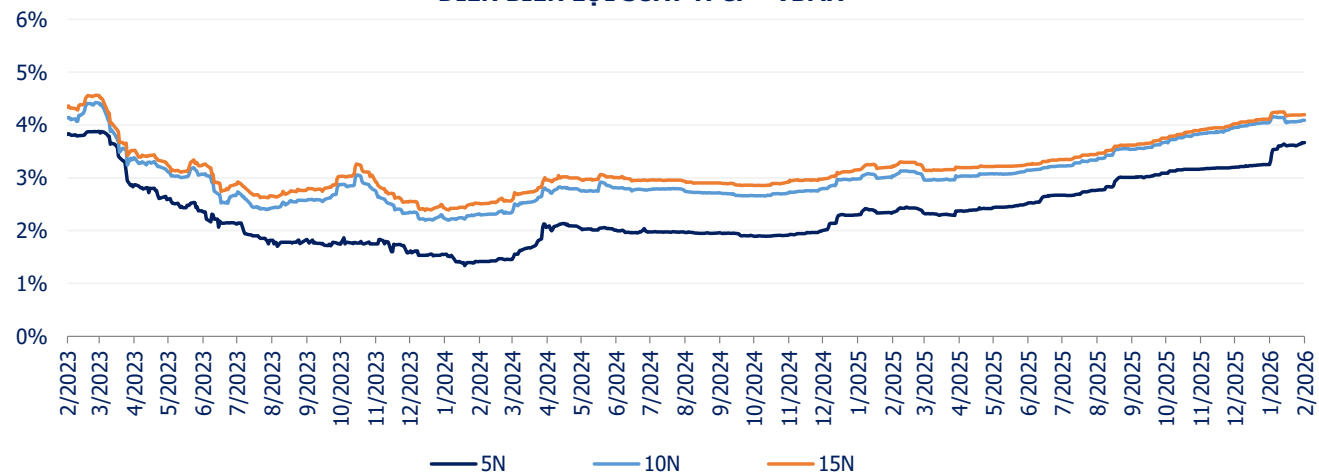
THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU THỨ CẤP

Giá trị giao dịch (GTGD) đạt 91,585 tỷ đồng, trong đó GTGD thông thường (outright) trung bình ngày giảm 7.7% so với kỳ trước, GTGD mua bán lại (repo) trung bình ngày tăng 74% so với kỳ trước. Khối ngoại bán ròng khoảng 456 tỷ đồng trong kỳ báo cáo. Lợi suất trung bình TPCP tại phòng giao dịch của VBMA tăng ở kỳ hạn 5 năm và 7 năm trong khi giảm ở kỳ hạn 10 năm và 15 năm so với tuần trước.

THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP

Theo dữ liệu do VBMA tổng hợp, tính đến ngày công bố thông tin 06/02/2026, có 3 đợt phát hành TPDN được ghi nhận trong tháng 2 năm 2026 với tổng giá trị 3,301 tỷ đồng.

DIỄN BIẾN LỢI SUẤT TPCP - VBMA



Báo cáo tuần

Thị trường tiền tệ

Nhiệm vụ thị trường mở: Trong kỳ báo cáo, NHNN đã bơm ra thị trường 229,791 tỷ đồng thông qua nghiệp vụ thị trường mở (OMO) ở kỳ hạn 7 ngày, 28 ngày và 56 ngày với mức lãi suất đạt mức 4.5%/năm.

Kết tuần, hơn 70.4 nghìn tỷ đồng trên kênh mua kỳ hạn đã đáo hạn và được rút khỏi hệ thống. Qua đó, NHNN bơm ròng khoảng 159.4 nghìn tỷ, lượng OMO lưu hành đạt 480 nghìn tỷ.

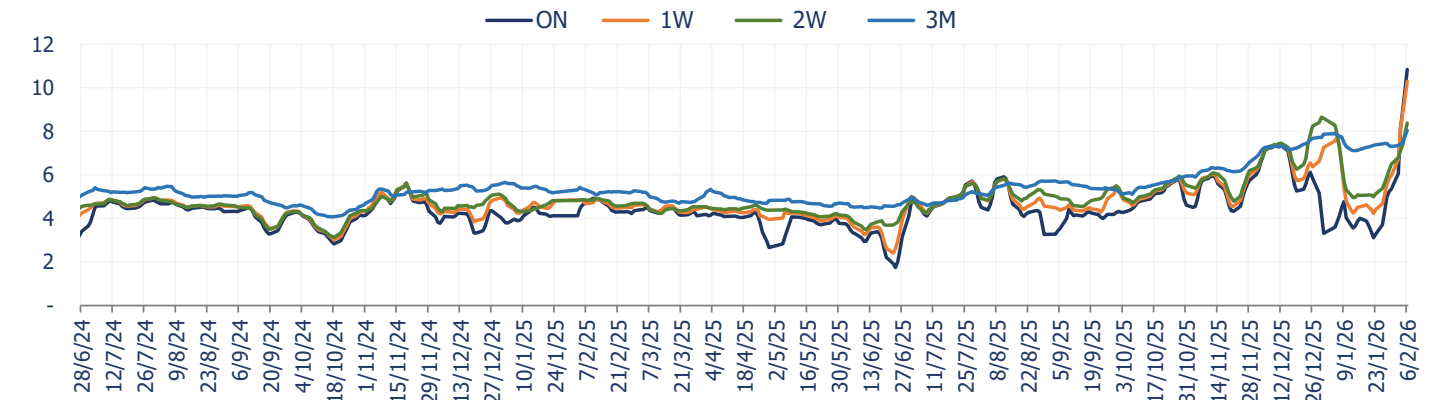
Lãi suất liên ngân hàng: Lãi suất VND LNH tăng mạnh ở tất cả các kỳ hạn. Kết tuần, lãi suất qua đêm ON và 1W lần lượt tăng 483 đcb và 378 đcb lên mức 9.92% và 9.67%. Ngoài ra, trong khi lãi suất kỳ hạn 6 tháng tăng 22 đcb lên mức 7.88%, lãi suất 9 tháng giữ nguyên ở mức 8.1%. Chênh lệch lãi suất USD và VND kỳ hạn qua đêm và 1W trung bình nới rộng khoảng 393 đcb.

Khối lượng giao dịch: Tổng giá trị giao dịch trên thị trường liên ngân hàng trong kỳ báo cáo giảm 6.6% so với kỳ trước, đạt mức 4.53 triệu tỷ đồng. Trong đó, kỳ hạn qua đêm (ON) và 1 tuần (1W) có khối lượng giao dịch lớn nhất, lần lượt đạt khoảng 4.42 triệu tỷ đồng và 54 nghìn tỷ đồng. Hai kỳ hạn trên chiếm 98.8% tổng khối lượng giao dịch của cả tuần.

LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG

Đvị : %	TB 5 ngày	6/2/2026	30/1/2026	+/- so tuần trước (đcb)	+/- so tháng trước (đcb)
ON	10.84	9.92	5.09	483	427
1W	10.29	9.67	5.89	378	353
2W	8.38	9.31	6.99	232	324
1M	8.61	8.74	7.39	135	138
3M	8.04	8.58	7.19	139	92
6M	7.82	7.88	7.66	22	53
9M	8.10	8.10	8.10	0	80

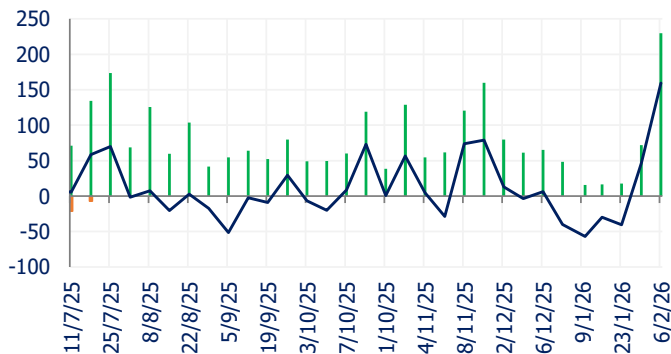
BÌNH QUÂN LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG



Nguồn: NHNN

ĐẦU THẦU TÍN PHIẾU NHNN VÀ OMO

Phát hành SBV-bills
Phát hành OMO
Lượng cung tiền thay đổi theo tuần của NHNN

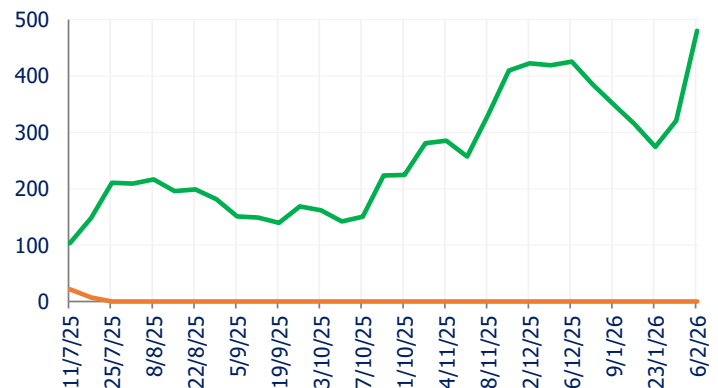


Đơn vị: Nghìn tỷ đồng

Nguồn: NHNN

GIÁ TRỊ LƯU HÀNH CỦA TÍN PHIẾU NHNN VÀ OMO

Tín phiếu NHNN
OMO



Báo cáo tuần

Thị trường ngoại hối

Tỷ giá USD/VND: Kết tuần, tỷ giá trung tâm giảm 9 VND/USD so với tuần trước, xuống mức 25,065 VND/USD. Ngoài ra, tỷ giá niêm yết tại Vietcombank tăng 10 VND/USD lên 25,760 VND/USD ở chiều mua và tăng 30 VND/USD lên 26,140 VND/USD ở chiều bán.

Thị trường ngoại tệ: Báo cáo việc làm phi nông nghiệp tháng 1 của Mỹ không được công bố vào thứ Sáu do ảnh hưởng của việc chính phủ liên bang đóng cửa. Báo cáo do ADP công bố cho thấy việc làm khu vực tư nhân chỉ tăng thêm 22,000 trong tháng 1, thấp hơn dự báo 45,000 và giảm so với mức 37,000 của tháng 12. Theo số liệu cả năm của ADP, tổng số việc làm tạo mới trong năm 2025 đạt 398,000, giảm đáng kể so với 771,000 của năm 2024.

Ở chiều ngược lại, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất đã mở rộng với tốc độ nhanh nhất kể từ năm 2022 trong tháng 1. Cụ thể, theo Viện Quản lý Cung ứng (ISM), chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) ngành sản xuất tăng vọt lên 52.6 điểm, tăng 4.7 điểm so với tháng 12 và là lần đầu tiên trở lại vùng mở rộng sau 1 năm (trên 50 là mở rộng, dưới 50 là thu hẹp). Trong khi đó, PMI lĩnh vực dịch vụ tháng 1 giữ nguyên so với tháng trước ở mức 53.8, đánh dấu tháng mở rộng thứ 19 liên tiếp.

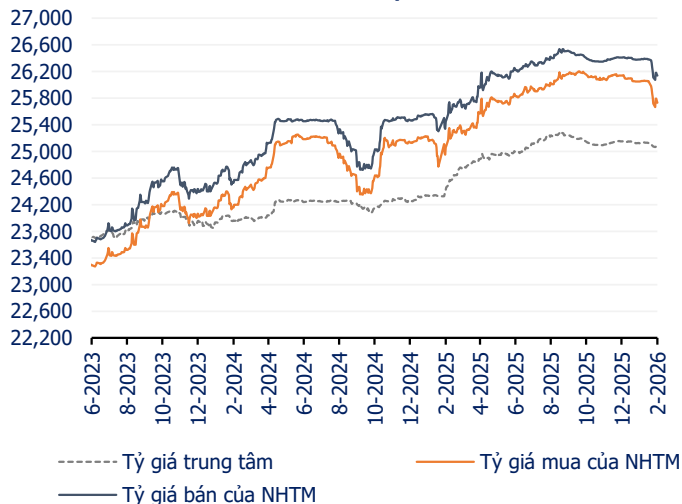
ECB giữ nguyên lãi suất tiền gửi chủ chốt ở mức 2% trong cuộc họp thứ năm liên tiếp, đúng như kỳ vọng của thị trường. Theo phát biểu tại cuộc họp báo, chủ tịch ECB Christine Lagarde cho biết châu Âu đang ở trạng thái tương đối cân bằng và chính sách tiền tệ vẫn ở vị thế phù hợp.

Trong khi đó, BoE đã giữ nguyên lãi suất điều hành ở mức 3.75% sau đợt cắt giảm vào tháng 12. Tuy nhiên, 4 trong số 9 thành viên của Ủy ban Chính sách Tiền tệ bất ngờ ủng hộ việc hạ lãi suất, khiến thị trường gia tăng kỳ vọng về khả năng cắt giảm lãi suất ngay từ tháng 3. Thống đốc Andrew Bailey cho biết vẫn còn dư địa để nới lỏng thêm, do BoE hiện dự báo lạm phát sẽ trở về gần mục tiêu 2% vào tháng 4 — sớm hơn gần 1 năm so với dự báo hồi tháng 11.

Chỉ số đô la Mỹ (DXY) đã tăng 0.66% so với tuần trước lên 97.63 điểm. Đồng EUR và GBP lần lượt giảm 0.28% và 0.64% so với đồng USD.

Tuần tới, một số dữ liệu kinh tế Mỹ dự kiến sẽ được công bố bao gồm doanh số bán lẻ tháng 12, báo cáo việc làm phi nông nghiệp tháng 1, và CPI tháng 1.

TỶ GIÁ USD/VND



Nguồn: NHNN

TỶ GIÁ TRUNG TÂM

Ngày	Tỷ giá	% Thay đổi
26/1/2026	25,113	
27/1/2026	25,098	-0.060%
28/1/2026	25,088	-0.040%
29/1/2026	25,083	-0.020%
30/1/2026	25,074	-0.036%
2/2/2026	25,064	-0.040%
3/2/2026	25,069	0.020%
4/2/2026	25,067	-0.008%
5/2/2026	25,066	-0.004%
6/2/2026	25,065	-0.004%

TỶ GIÁ CÁC ĐỒNG TIỀN CHÍNH

	6/2/2026	30/1/2026	% Đổi tuần trước	% Đổi đầu năm
USD/VND	25,950	25,940	0.04%	6.68%
EUR/USD	1.182	1.185	-0.28%	7.95%
USD/CNY	6.939	6.952	-0.18%	-2.85%
USD/JPY	157.210	154.770	1.58%	10.73%
GBP/USD	1.361	1.370	-0.64%	7.92%
USD index	97.630	96.990	0.66%	-4.47%

Nguồn: investing.com

Báo cáo tuần

Thị trường TPCP sơ cấp

Trái phiếu Chính phủ: Vào ngày 4/2/2026, Kho bạc Nhà nước đã gọi thầu tổng cộng 14,500 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ, ở các kỳ hạn 5 năm (1,000 tỷ), 10 năm (12,000 tỷ), 15 năm (1,000 tỷ), và 30 năm (500 tỷ).

Trái phiếu kỳ hạn 5 năm, 15 năm và 30 năm không trúng thầu. Tỷ lệ trúng thầu của trái phiếu kỳ hạn 10 năm đạt 46%. Lãi suất trúng thầu kỳ hạn 10 năm tăng 1 đcb so với tuần trước lên mức 4.05%.

Từ đầu năm 2026 đến ngày 4/2, Kho bạc Nhà nước đã huy động gần 31,541 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ các kỳ hạn từ 5 năm đến 30 năm, đạt khoảng 6.3% kế hoạch phát hành 500,000 tỷ đồng trong năm 2026.

Trái phiếu kỳ hạn 10 năm và 15 năm được phát hành nhiều nhất với giá trị lần lượt 30,191 tỷ và 850 tỷ đồng, chiếm khoảng 98.4% tổng giá trị kể từ đầu năm. Trái phiếu 5 năm xếp thứ 3 với 500 tỷ đồng.

Kế hoạch đấu thầu từ 9/2 - 13/2/2026: Trong tuần tới, Kho bạc Nhà nước sẽ gọi thầu 15,500 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ, ở các kỳ hạn 5 năm (1,000 tỷ), 10 năm (13,000 tỷ), 15 năm (1,000 tỷ) và 30 năm (500 tỷ).

Kết quả đấu thầu TPCP (tuần 2/2 - 6/2/2026)

STT	Ngày	TCPH	Mã TP	Kỳ hạn (năm)	GTGT	GTĐT	GTTT	LSTT (%)	Thay đổi (đcb)
1	4/2/2026	KBNN	TD2631008	5	1,000	200	0	-	-
2	4/2/2026	KBNN	TD2636021	10	12,000	9,495	5,495	4.05	1
3	4/2/2026	KBNN	TD2641037	15	1,000	500	0	-	-
4	4/2/2026	KBNN	TD2555052	30	500	0	0	-	-

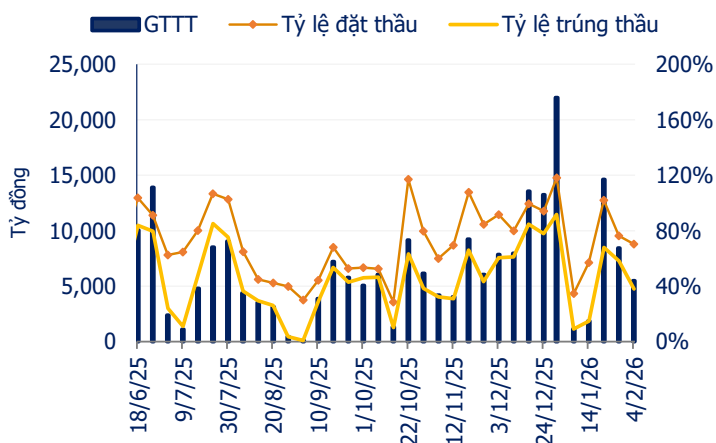
Đơn vị: Tỷ đồng

Kế hoạch đấu thầu từ 9/2 - 13/2/2026

STT	Ngày	TCPH	Mã TP	Kiểu phát hành	Kỳ hạn (năm)	Giá trị (tỷ)
1	11/2/2026	KBNN	TD2631008	Bổ sung	5	1,000
2	11/2/2026	KBNN	TD2636021	Bổ sung	10	13,000
3	11/2/2026	KBNN	TD2641037	Bổ sung	15	1,000
4	11/2/2026	KBNN	TD2555052	Bổ sung	30	500

Đơn vị: Tỷ đồng

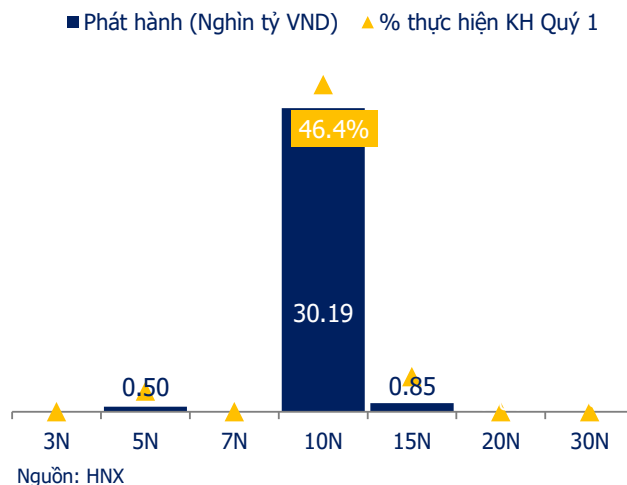
GIÁ TRỊ GỌI THẦU VÀ ĐẶT THẦU TPCP



Nguồn: HNX

* Chú thích: Dữ liệu VBMA tổng hợp tính đến ngày 6/2/2026

GTPH TPCP THEO KỲ HẠN Q1.2026



Nguồn: HNX

Báo cáo tuần

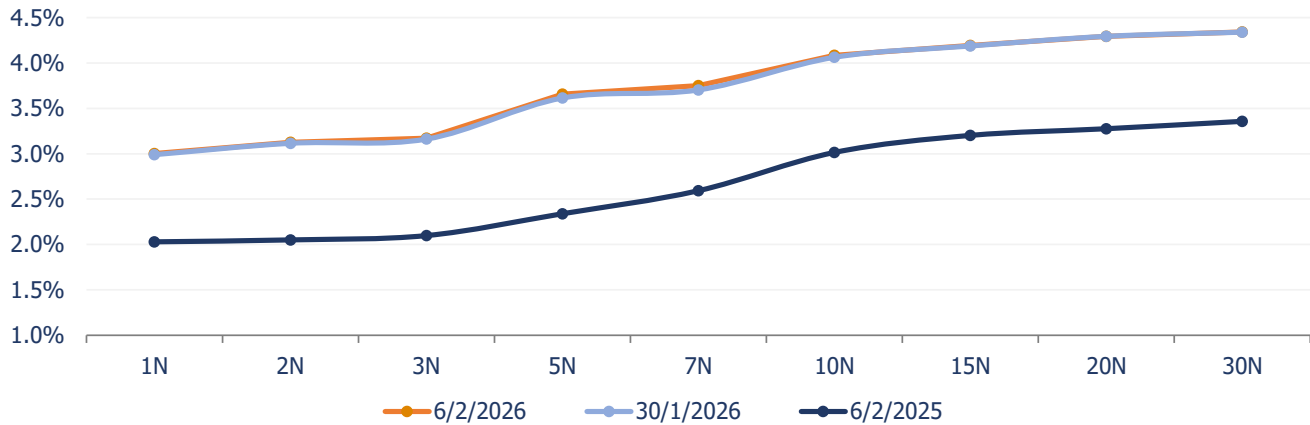
Thị trường TPCP thứ cấp

Tình hình giao dịch: Trong kỳ báo cáo, giá trị giao dịch (GTGD) thị trường thứ cấp đạt 91,585 tỷ đồng; trong đó, GTGD outright chiếm khoảng 75% GTGD outright trung bình ngày là 13,736 tỷ đồng (giảm 7.7% so với kỳ trước) và GTGD repo trung bình ngày là 4,581 tỷ đồng (tăng 74.2% so với kỳ trước).

Nhà đầu tư nước ngoài: Khối ngoại bán ròng khoảng 456 tỷ đồng trong tuần qua. Lũy kế từ đầu năm đến nay, tổng giá trị bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài đạt khoảng 2,415 tỷ đồng.

Lợi suất trái phiếu Chính phủ (theo VBMA): Lợi suất trung bình TPCP tại phòng giao dịch của VBMA tăng ở tất cả các kỳ hạn so với tuần trước

DIỄN BIẾN LỢI SUẤT TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ - VBMA

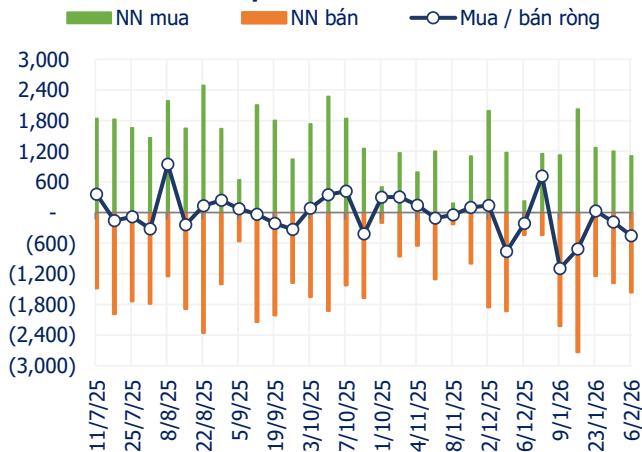


BIẾN ĐỘNG LỢI SUẤT PHÒNG GIAO DỊCH VBMA

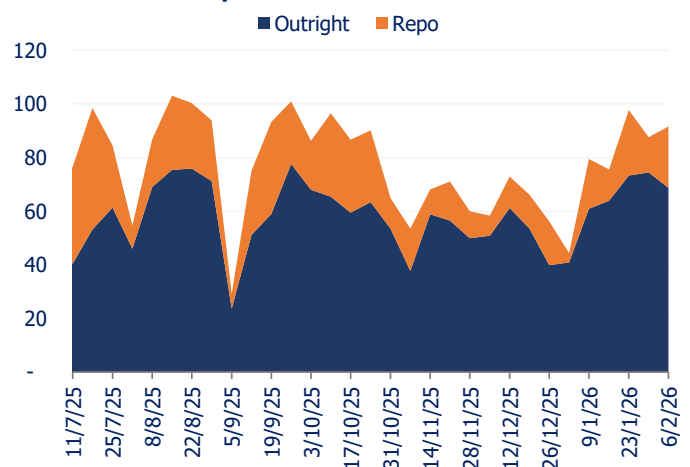
	1N	2N	3N	5N	7N	10N	15N	20N	30N
6/2/2026	3.00%	3.13%	3.17%	3.66%	3.75%	4.08%	4.19%	4.29%	4.34%
30/1/2026	2.99%	3.12%	3.16%	3.61%	3.70%	4.06%	4.19%	4.29%	4.34%
6/2/2025	2.03%	2.05%	2.10%	2.34%	2.59%	3.01%	3.20%	3.28%	3.36%
WoW (đcb)	1.26	1.14	1.04	4.30	4.64	2.02	0.60	-0.02	0.22
YoY (đcb)	97.28	107.60	107.34	131.80	115.66	106.84	99.08	101.76	98.46

Nguồn: VBMA

GIAO DỊCH NHẬT NN 2025 - 2026



KHỐI LƯỢNG GD OUTRIGHT VÀ REPO



* Chú thích: Dữ liệu VBMA tổng hợp tính đến ngày 6/2/2026

Đơn vị: tỷ

Nguồn: HNX

Đơn vị: nghìn tỷ

Nguồn: HNX

Báo cáo tuần

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp

Trái phiếu doanh nghiệp phát hành trong tháng 2/2026:

Theo dữ liệu VBMA tổng hợp từ HNX và SSC, tính đến ngày công bố thông tin 06/02/2026, có 3 đợt phát hành TPDN được ghi nhận trong tháng 2 năm 2026 với tổng giá trị 3,301 tỷ đồng.

Lũy kế cả từ đầu năm 2026, tổng giá trị phát hành TPDN được ghi nhận là 7,013 tỷ đồng, với 6 đợt phát hành ra công chúng trị giá 6,823 tỷ đồng (chiếm 97.3% tổng giá trị phát hành) và 1 đợt phát hành riêng lẻ trị giá 190 tỷ đồng (chiếm 2.7% tổng số).

Trái phiếu doanh nghiệp được mua lại trong tháng 2/2026:

Các doanh nghiệp chưa tiến hành mua lại trái phiếu trong tháng 2. Lũy kế từ đầu năm đến nay, tổng giá trị trái phiếu đã được mua lại trước hạn đạt 1,449 tỷ đồng, giảm 90.2% so với năm 2025. Bất động sản là nhóm ngành dẫn đầu, chiếm khoảng 69.4% tổng giá trị mua lại trước hạn (tương ứng khoảng 1,005 tỷ đồng).

**Dữ liệu VBMA tổng hợp được ghi nhận theo ngày phát hành và ngày thực hiện mua lại từ chuyên trang của HNX và có thể được thay đổi theo việc công bố thông tin trên chuyên trang của HNX. Dữ liệu trong báo cáo này được cập nhật đến hết ngày công bố thông tin 06/02/2026. (Chi tiết trong Phụ lục 2)*

Trái phiếu doanh nghiệp đến hạn:

Trong phần còn lại của năm 2026, tổng giá trị trái phiếu sẽ đến hạn là 196,988 tỷ đồng. 60.4% giá trị trái phiếu sắp đáo hạn thuộc nhóm Bất động sản với 119,054 tỷ đồng, theo sau là nhóm Ngân hàng với 22,755 tỷ đồng (chiếm 11.6%).

Giao dịch TPDN phát hành riêng lẻ:

Trong kỳ báo cáo, giá trị giao dịch TPDN riêng lẻ trung bình ngày đạt 3,911 tỷ đồng, giảm 33.5% so với tuần trước. Các tổ chức phát hành có trái phiếu được giao dịch nhiều nhất là NHTMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh (3,566 tỷ đồng), CT TNHH Hưng Phát Invest Hà Nội (2,019 tỷ đồng) và CTCP Vinhomes (1,827 tỷ đồng). Tính từ đầu năm đến nay, tổng giá trị giao dịch trái phiếu phát hành riêng lẻ đạt khoảng 128 nghìn tỷ đồng.

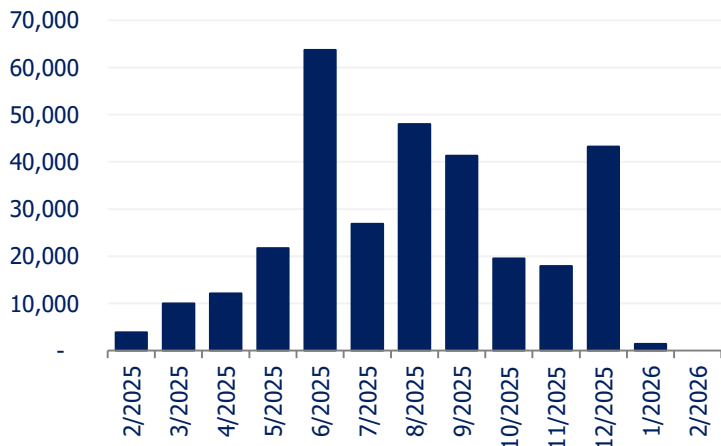
Kế hoạch phát hành TPDN năm 2026:

CTCP Chứng khoán Kỹ Thương (TCX)

HDQT CTCP Chứng khoán Kỹ Thương đã thông qua phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ được chia làm 6 đợt trong năm 2026 với tổng giá trị tối đa 3,000 tỷ đồng. Đây là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có TSDB và mệnh giá dự kiến 100 triệu đồng/trái phiếu. Trái phiếu có kỳ hạn từ 15 - 30 tháng với mức lãi suất kết hợp giữa cố định và thả nổi.

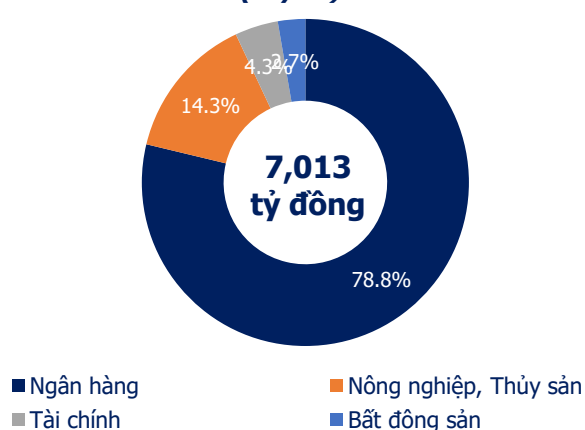
Ngoài ra, TCX cũng đã thông qua phương án phát hành trái phiếu ra công chúng được chia làm 4 đợt trong năm 2026 với tổng giá trị tối đa 5,000 tỷ đồng. Đây là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có TSDB và mệnh giá dự kiến 100 nghìn đồng/ trái phiếu. Trái phiếu có kỳ hạn từ 24 - 36 tháng với mức lãi suất kết hợp giữa cố định và thả nổi.

GT MUA LẠI TPDN 2025 - 2026



GT PHÁT HÀNH THEO NHÓM NGÀNH 2026

(Lũy kế)



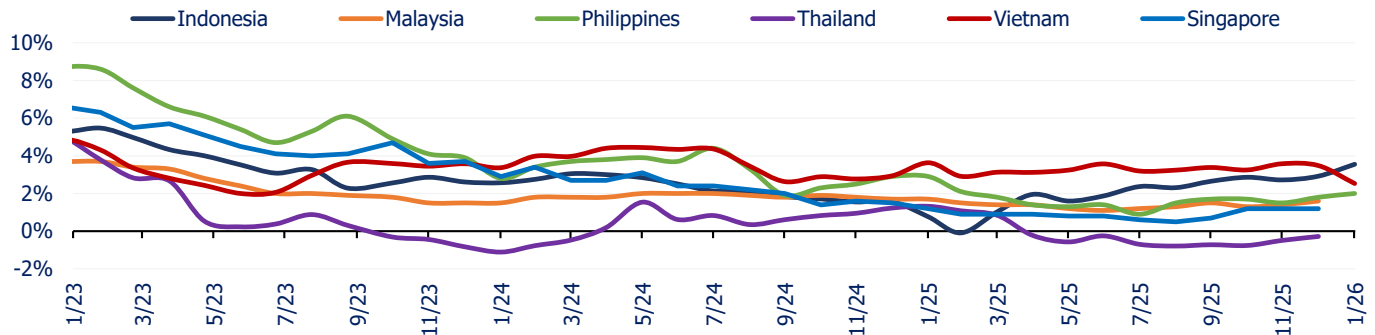
Đơn vị: tỷ đồng

Báo cáo tuần

Tin quốc tế

Ngày	Nền kinh tế	Ngoại Tệ	Sự kiện
10/2/2026	Mỹ	USD	Doanh số bán lẻ tháng 12
11/2/2026	Mỹ	USD	Báo cáo việc làm phi nông nghiệp tháng 1
12/2/2026	Anh	GBP	GDP tháng 12
12/2/2026	Mỹ	USD	Doanh số bán nhà sẵn có tháng 1
13/2/2026	Mỹ	USD	CPI tháng 1

DIỄN BIẾN LẠM PHÁT CÁC NƯỚC TRONG KHU VỰC



Nguồn: Trading Economics

LỢI SUẤT TPCP KỲ HẠN 5 NĂM CỦA CÁC NƯỚC

Đvị: %	Trung Quốc	Nhật Bản	Malaysia	Philippines	Thái Lan	Mỹ	Việt Nam
T2 2024	2.29	0.33	3.57	6.21	2.29	4.19	1.43
T3 2024	2.22	0.37	3.58	6.16	2.24	4.21	1.62
T4 2024	2.13	0.45	3.73	6.45	2.44	4.56	2.08
T5 2024	2.09	0.55	3.74	6.50	2.52	4.50	2.04
T6 2024	2.03	0.56	3.67	6.36	2.50	4.32	1.99
T7 2024	1.95	0.60	3.62	6.16	2.41	4.16	1.98
T8 2024	1.87	0.48	3.50	6.02	2.30	3.71	1.96
T9 2024	1.76	0.50	3.51	5.89	2.25	3.49	1.94
T10 2024	1.79	0.82	3.57	5.60	2.24	3.91	1.92
T11 2024	1.71	0.69	3.64	5.80	2.19	4.23	1.94
T12 2024	1.47	0.73	3.62	5.94	2.12	4.25	2.15
T1 2025	1.40	0.85	3.62	5.99	2.13	4.46	2.35
T2 2025	1.49	1.01	3.62	5.82	2.08	4.28	2.40
T3 2025	1.65	1.12	3.56	5.79	1.90	4.04	2.32
T4 2025	1.52	0.89	3.43	5.81	1.63	3.91	2.38
T5 2025	1.54	0.96	3.27	5.86	1.64	4.07	2.45
T6 2025	1.52	1.00	3.23	5.91	1.50	3.96	2.58
T7 2025	1.54	1.05	3.16	5.95	1.37	3.95	2.69
T8 2025	1.61	1.10	3.10	5.86	1.21	3.76	2.85
T9 2025	1.62	1.17	3.15	5.83	1.17	3.66	3.02
T10 2025	1.60	1.22	3.23	5.75	1.31	3.65	3.13
T11 2025	1.55	1.27	3.24	5.55	1.46	3.67	3.18
T12 2025	1.61	1.46	3.28	5.65	1.33	3.70	3.22
T1 2026	1.61	1.63	3.28	5.71	1.34	3.78	3.54
T2 2026	1.56	1.68	3.29	5.55	1.33	3.80	3.66

Nguồn: VBMA, ThaiBMA, US Treasury, Investing.com

LS tăng

LS giảm

Báo cáo tuần

Phụ lục 1

Kết quả đấu thầu TPCP (tuần 2/2 - 6/2/2026)

STT	Mã TP	TCPH	Kì hạn (năm)	Ngày TPCP	GTGT	GTĐT	GTTT	LSTT (%)	Thay đổi (đcb)
1	TD2631008	KBNN	5	4/2/2026	1,000	200	0	-	-
2	TD2636021	KBNN	10	4/2/2026	12,000	9,495	5,495	4.05	1
3	TD2641037	KBNN	15	4/2/2026	1,000	500	0	-	-
4	TD2555052	KBNN	30	4/2/2026	500	0	0	-	-

Đơn vị: Tỷ đồng

Kế hoạch đấu thầu từ 9/2 - 13/2/2026

STT	Ngày	TCPH	Mã TP	Kiểu phát hành	Kỳ hạn (năm)	Giá trị (tỷ)
1	11/2/2026	KBNN	TD2631008	Bổ sung	5	1,000
2	11/2/2026	KBNN	TD2636021	Bổ sung	10	13,000
3	11/2/2026	KBNN	TD2641037	Bổ sung	15	1,000
4	11/2/2026	KBNN	TD2555052	Bổ sung	30	500

Kế hoạch phát hành Trái phiếu Chính phủ Q1/2026

STT	Kỳ hạn	Kế hoạch (tỷ đồng)	Thực hiện (tỷ đồng)	Tỷ lệ hoàn thành
1	5 năm	17,000	500	2.9%
2	7 năm	2,000	0	0%
3	10 năm	65,000	30,191	46.4%
4	15 năm	17,000	850	5%
5	20 năm	3,000	0	0%
6	30 năm	6,000	0	0%
Tổng mức phát hành		110,000	31,541	28.7%

Top 10 mã trái phiếu có GTGD outright lớn nhất trong tuần

STT	Mã TP	GTGD (tỷ)	Kì hạn gốc (năm)	Kì hạn còn lại (năm)	LS Giao dịch (%)
1	TD2353151	5,282	30	27.0	3.2995 - 3.7716
2	TD2434026	5,049	10	8.6	3.0651 - 3.5015
3	TD2151043	4,763	30	25.5	3.85 - 3.9587
4	TL1535300	4,448	20	9.5	3.825 - 3.8271
5	TD2434024	4,021	10	8.4	2.6937 - 3.0949
6	TD2338131	3,519	15	11.9	4.1837 - 4.33
7	TD2151042	3,287	30	24.9	4.47 - 4.48
8	TD1747411	3,170	30	21.1	4.0395 - 4.1511
9	TD1530290	3,128	15	4.4	3 - 3.0048
10	TD1646468	2,746	30	20.0	4.4075 - 4.44

Báo cáo tuần

Phụ lục 2

Trái phiếu doanh nghiệp phát hành trong tháng 1 và tháng 2

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	NHÓM NGÀNH	GTPH (TỶ ĐỒNG)	MÃ TP	PHƯƠNG THỨC PHÁT HÀNH	LÃI SUẤT	NGÀY PHÁT HÀNH	KỶ HẠN (NĂM)
CTCP NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM	NÔNG NGHIỆP, THỦY SẢN	1000	BAF12502	CÔNG CHỨNG	10%/NĂM	5/1/2026	3
CTCP TẬP ĐOÀN KHAI HOÀN LAND	BẤT ĐỘNG SẢN	190	KHG12503	RIÊNG LẺ	2 KỶ ĐẦU: 13.5%/NĂM, CÁC KỶ SAU = LSTC + 4.5%/NĂM	6/1/2026	5
CTCP KINH DOANH F88	TÀI CHÍNH	300	F88126002	CÔNG CHỨNG	10%/NĂM	10/1/2026	2
NHTMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM	NGÂN HÀNG	2221	CTG2634T2/01	CÔNG CHỨNG	BÌNH QUẢN LSTK 12T VND (VCB, BIDV, VIETIN, AGR) + 1.25%/NĂM	20/1/2026	8
NHTMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM	NGÂN HÀNG	1985	BIDL2633001C	CÔNG CHỨNG	BÌNH QUẢN LSTK 12T VND (VCB, BIDV, VIETIN, AGR) + 1.6%/NĂM, NẾU TCPH KHÔNG MUA LẠI VÀO NGÀY THỰC HIỆN MUA LẠI, LS TỬ KỶ THỨ 11 = LSTC + 4.1%/NĂM	3/2/2026	7
NHTMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM	NGÂN HÀNG	1000	BIDL2634002C	CÔNG CHỨNG	BÌNH QUẢN LSTK 12T VND (VCB, BIDV, VIETIN, AGR) + 1.65%/NĂM, NẾU TCPH KHÔNG MUA LẠI VÀO NGÀY THỰC HIỆN MUA LẠI, LS TỬ KỶ THỨ 11 = LSTC + 3.32%/NĂM	3/2/2026	8
NHTMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM	NGÂN HÀNG	316	BIDL2636003C	CÔNG CHỨNG	BÌNH QUẢN LSTK 12T VND (VCB, BIDV, VIETIN, AGR) + 1.65%/NĂM, NẾU TCPH KHÔNG MUA LẠI VÀO NGÀY THỰC HIỆN MUA LẠI, LS TỬ KỶ THỨ 11 = LSTC + 2.65%/NĂM	3/2/2026	10

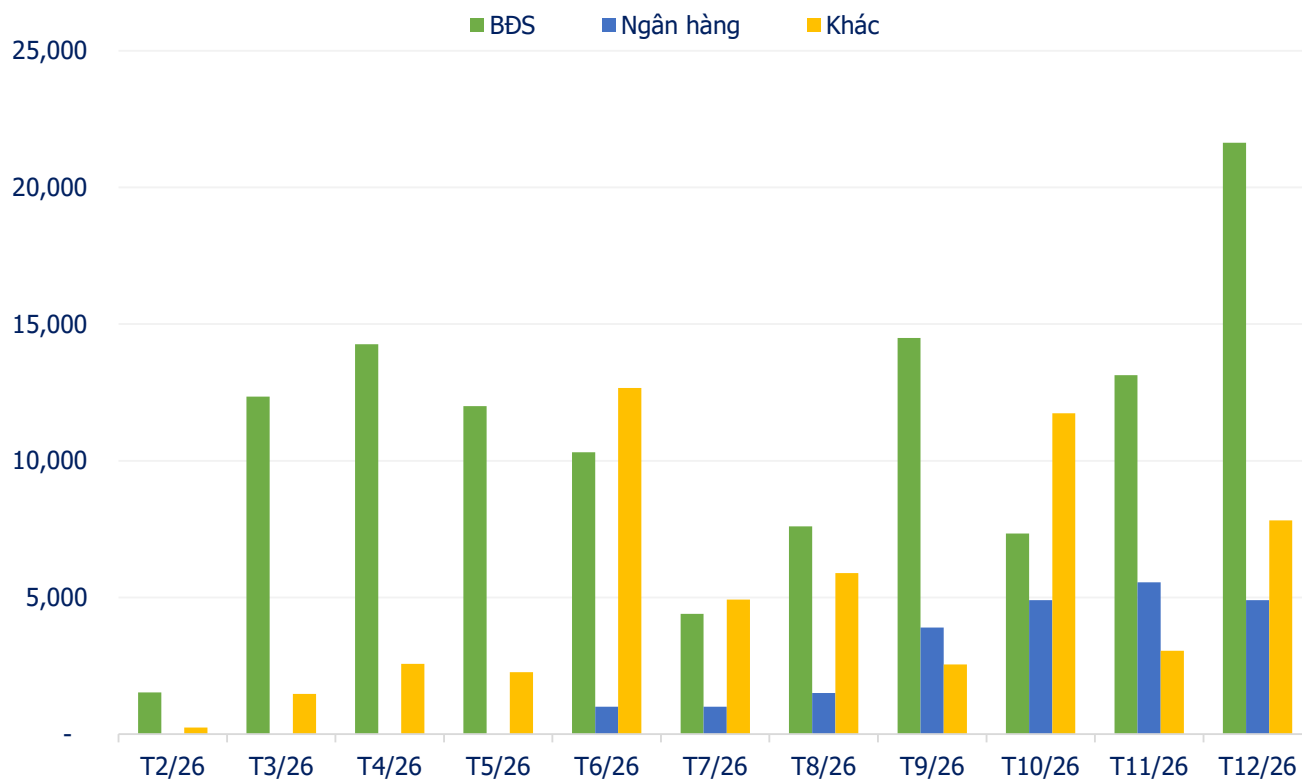
Báo cáo tuần

Phụ lục 3

Trái phiếu doanh nghiệp đến hạn trong tuần (9/2 - 15/2/2026)

STT	TÊN CÔNG TY	NHÓM NGÀNH	GPB (TỶ ĐỒNG)	GT CÒN LẠI (TỶ ĐỒNG)	MÃ TRÁI PHIẾU	NGÀY PHÁT HÀNH	NGÀY ĐÁO HẠN
1	CTCP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐẠI THỊNH PHÁT	BẤT ĐỘNG SẢN	472	472	DPICH2224002	09/08/2022	09/02/2026

Giá trị TPDN đáo hạn 2026



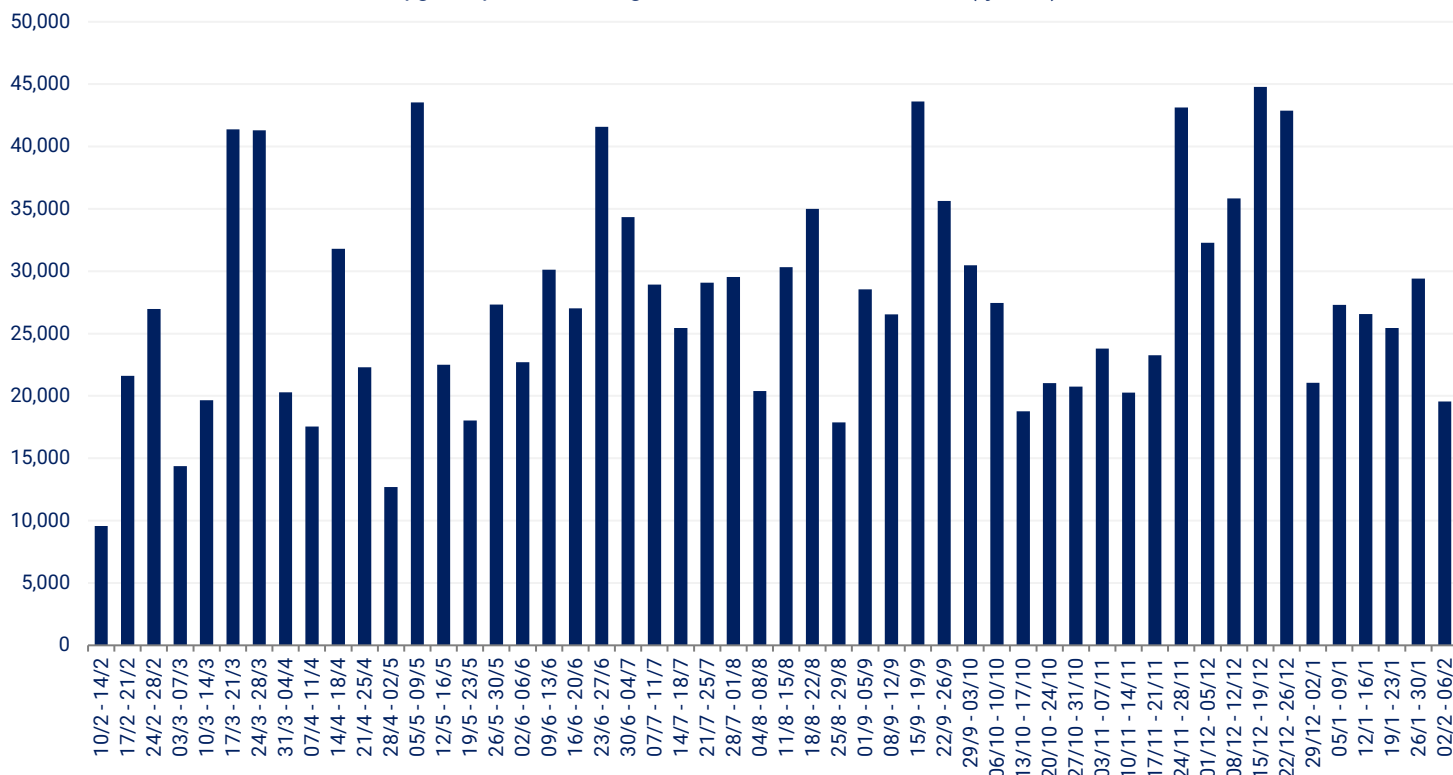
Báo cáo tuần

Phụ lục 4

Tổng GTGD trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

STT	Ngày đăng tin	Tên doanh nghiệp	Mã TP liên quan	Loại tin	Nội dung tin
1	6/2/2026	CTCP ĐIỆN MẶT TRỜI TRUNG NAM	TBSCH1926002, TBSCH1926003, TBSCH1926004, TBSCH1926005, TBSCH1928006, TBSCH1928007, TBSCH1928008, TBSCH1928009, TBSCH1928010, TBSCH1928011, TBSCH1928012, TSP119001	Thay đổi điều khoản, điều kiện trái phiếu	Gia hạn trái phiếu thêm 24 tháng

Giá trị giao dịch TPDN riêng lẻ năm 2025 - 2026 theo tuần (tỷ VND)



* Dữ liệu VBMA tổng hợp được ghi nhận theo ngày công bố thông tin từ HNX, tính đến ngày 6/2/2026

Báo cáo tuần

Phụ lục 5

Danh mục các từ viết tắt

STT	Từ viết tắt	Ý nghĩa
1	1W	1 tuần
2	BDS	Bất động sản
3	CNY	Đồng nhân dân tệ Trung Quốc
4	CPI	Chỉ số giá tiêu dùng
5	CT TNHH	Công ty Trách nhiệm hữu hạn
6	CTCP	Công ty Cổ phần
7	đcb	điểm cơ bản
8	DNPB	Doanh nghiệp phát hành
9	Fed	Cục Dự trữ Liên bang
10	FOMC	Ủy ban Thị trường mở Liên bang
11	GBP	Đồng bảng Anh
12	GT	Giá trị
13	GTĐT	Giá trị đặt thầu
14	GTGD	Giá trị giao dịch
15	GTGT	Giá trị gọi thầu
16	GTTT	Giá trị trúng thầu
17	HĐQT	Hội đồng quản trị
18	HNX	Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
19	JPY	đồng Yên Nhật Bản
20	KBNN	Kho bạc nhà nước
21	KH	Kế hoạch
22	LS	Lãi suất
23	LS Giao dịch	Lãi suất giao dịch
24	LSTC	Lãi suất tham chiếu
25	LSTK	Lãi suất tiết kiệm
26	LSTT	Lãi suất trúng thầu
27	Mã TP	Mã trái phiếu
28	NĐTNN	Nhà đầu tư nước ngoài
29	NHNN	Ngân hàng nhà nước
30	NHTM	Ngân hàng thương mại
31	NHTMCP	Ngân hàng Thương mại Cổ phần
32	NN	Nước ngoài
33	OMO	Nghiệp vụ thị trường mở
34	ON	qua đêm
44	PPI	Chỉ số giá sản xuất
35	RHS	trục phải
36	SSC	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
37	TBN	Trung bình ngày
38	TCPH	Tổ chức phát hành
39	TPCP	Trái phiếu chính phủ
40	TPDN	Trái phiếu doanh nghiệp
41	TSĐB	Tài sản đảm bảo
42	VBMA	Hiệp hội Thị trường Trái Phiếu Việt Nam
43	VND	Vietnam Dong



Cám ơn quý vị đã đọc bản tin hàng tuần của VBMA.
Nếu quý vị cần biết thêm thông tin chi tiết,
xin vui lòng liên hệ:

HIỆP HỘI THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU VIỆT NAM

Tầng 17, Tháp Gelex, 52 Lê Đại Hành,

Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84) 24 3974 8781

Fax: (84) 4 3974 8782

Website: <http://www.vbma.org.vn/>

QUYỀN MIỄN TỪ TRÁCH NHIỆM:

Những thông tin và quan điểm được trình bày trong Bản tin này là kết quả của hoạt động nghiên cứu của Hiệp hội Thị trường Trái phiếu Việt Nam (VBMA). VBMA không cam kết hay đảm bảo về tính chính xác hay đầy đủ của các thông tin này. VBMA không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất, thua lỗ nào phát sinh do sử dụng báo cáo này và các thông tin trong đó. Báo cáo này được thực hiện đơn thuần nhằm mục đích cung cấp thông tin và người xem không được phép sao chép, phân phối hay xuất bản vì bất cứ mục đích gì.